

Số: 149/QĐ-YHCT

Bến Tre, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 333/QĐ-SYT ngày 10/4/2025 của Giám đốc Sở Y tế Bến Tre về việc công khai điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An (theo các biểu đính kèm quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Q.Trưởng phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. *thoa*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở y tế (thay báo cáo)
- Ban Giám đốc BV (để biết);
- Toàn thể VC, NLĐ (để biết);
- Tổ CNTT (đăng tải Website);
- Lưu: VT, TCKT.



Lê Thị Hồng Liên

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 149 /QĐ-YHCT ngày 10/4/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách (Nguồn thu khám chữa bệnh)	
1	Số thu	40.036
1.1	Nguồn thu khám chữa bệnh	34.000
1.2	Nguồn thu khác	6.036
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	39.790
2.1	Chi sự nghiệp	34.000
2.2	Chi khác	5.790
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	246
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.931
1	Chi quản lý hành chính	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	19.931
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (khoản 132- mã nguồn 13)	17.876
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (khoản 132- mã nguồn 12)	2.055

thoa